TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2017.
"V/v Ly hôn, quyền nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc S.

2. Ông Vương Hoàng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Hồng Lánh, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn, quyền nuôi con, cấp dưỡng cho con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị T, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Thạch S, sinh năm 1981. (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Thạch Kim Thái L, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2005. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày: chị và anh S đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc. Quá trình

chung sống có con chung tên Thạch Kim Thái L. Do anh S thường ghen vô cớ, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết: chị yêu cầu ly hôn với anh S; yêu cầu được nuôi cháu L và yêu cầu anh S cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi do cháu L cũng có nguyện vọng ở với chị; tài sản chung là giá trị 01 căn nhà cấp 4 trị giá 200.000.000đ chị yêu cầu chia ½ giá trị, nợ chung thì không có.

Bị đơn anh Thạch S trình bày và yêu cầu: anh thống nhất với lời khai của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh cũng thừa nhận do thường hay ghen, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn còn thương chị T.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Thạch Kim Thái L trình bày: khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu yêu cầu được ở với mẹ là chị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị T vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh S do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vì bất đồng quan điểm, do anh S hay ghen, nên thường cự cãi dùng lời nói xúc phạm đến chị, vợ chồng không hạnh phúc, từ giữa năm 2013 chị đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh để kiếm tiền trả nợ, anh ở nhà thường xuyên điện thoại yêu cầu chị về để giải quyết lý hôn. Về con chung có cháu L hiện đang sống chung với chị và theo ý của con cũng muốn ở chung với chị sau khi ly hôn, nên chị yêu cầu nuôi cháu L và chị rút phần yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có một căn nhà cấp 4 trị giá 200.000.000đ xây trên phần đất của cha mẹ chị, chị thống nhất để phần tài sản chung cho con Thạch Kim Thái L, anh S cũng đồng ý, nên chị rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, để chị với anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, chị không yêu cầu gì khác.

- Anh S vẫn giữ nguyên lời trình bày là không đồng ý ly hôn với chị T do anh vẫn còn thương chị T. Về con chung nếu ly hôn anh cũng đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có 01 căn nhà trị giá 200.000.000 đồng cất trên đất của cha mẹ chị T, anh đồng ý cho con chung Thạch Kim Thái L, việc chị T rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung thì anh cũng thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, anh cũng không yêu cầu gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn gởi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và không gởi quyết định hoãn phiên tòa. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định của khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Mâu thuẫn giữa chị T với anh S là do bất đồng quan điểm, anh S có tính hay ghen nên làm ảnh hưởng đến uy tín của chị T, dù cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng giữa anh chị không có tiếng nói chung. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải động viên hàn gắn nhưng chị T kiên quyết ly hôn với anh S. Mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

+ Về nuôi con chung: Chị T và S thỏa thuận thống nhất giao cháu Thạch Kim Thái L cho chị T nuôi là phù hợp với mong muốn của con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện chị T có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa chị T rút yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu cấp dưỡng cho con theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về tài sản chung: anh S và chị T đều thừa nhận có tài sản chung là một căn nhà cấp 04 cất trên đất của cha mẹ chị T, có giá trị bằng 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị T và anh S tự thỏa thuận về phần tài sản chung để lại cho con chung là Thạch Kim Thái L, nên tại phiên tòa chị T rút yêu cầu chia tài sản sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử về phần tài sản chung.

+ Về nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: ly hôn, về quyền nuôi con chung và chia tài sản chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về hôn nhân: chị Kim Thị T và anh Thạch S kết hôn với nhau năm 1998, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh năm 2004, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 24 tháng 02 năm 2004, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh S là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nhưng đến năm 2013 thì

phát sinh mâu thuẫn và hai người không còn chung sống với nhau cho đến nay, nguyên nhân do anh S hay ghen, thường phát ngôn xúc phạm đến chị T làm ảnh hưởng đến uy tín, tinh thần của chị và có lần còn đánh chị, sống chung không hạnh phúc, dù chị đã nhiều lần hàn gắn, tha thứ để chung sống, nhưng anh S không thay đổi. Tuy anh S cho rằng còn thương chị T, nên không đồng ý ly hôn. Nhưng xét thấy anh S không tôn trọng chị T, nên chị phải đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn sống chung tiếp, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S.

[3] Về con chung: theo chị T và anh S đều xác nhận là chị và anh có 01 con tên Thạch Kim Thái L, tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu sống chung với chị T, nên chị T yêu cầu được quyền nuôi con, cũng như theo nguyên vọng của cháu là yêu cầu được sống chung với chị T, và anh S cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Nên có cơ sở giao cháu L cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị rút yêu cầu cấp dưỡng, anh S cũng không đồng ý cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử xét thấy phần rút yêu cầu cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị T, nên chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh S xác định có tài sản chung là một căn nhà cấp 4 xây trên đất của cha mẹ chị T và thống nhất giá trị bằng 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T và anh S thống nhất thỏa thuận cho con chung Thạch Kim Thái L. Chị T đồng ý rút phần yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu giải quyết và được anh S đồng ý, nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề thỏa thuận này và chị T rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện của chị T nên có cơ sở chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: chị T và anh S xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị T.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Thạch S.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Kim Thái L, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2005 cho chị Kim Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ về yêu cầu cấp dưỡng cho con tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 của chị Kim Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ về yêu cầu chia giá trị tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 của chị Kim Thị T.

5. Về nợ chung: không có.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Kim Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010030 ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Chị T không phải nộp tiếp. Anh S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại chị Kim Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0010029 ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

Phạm Hoàng Nguyên